

Số: 2519 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
- Bãi bỏ các nội dung quy định tại số thứ tự 8 (TTHC Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu) phần I Mục A Phần I (Danh mục thủ tục hành chính) và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính này tại số thứ tự 8 phần I Mục B1 Phần II ban hành kèm theo Quyết định số 278/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi,

bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng; các Vụ, các Cục, Công thông tin điện tử của Bộ;
- Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, TTTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Hiệp

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI
QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2519/QĐ-BNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng
trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường**

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1.	2.001062	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. TTHC Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu (2.001062)

1. Trình tự thực hiện

1.1. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã có Giấy chứng nhận hợp quy

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa ở địa phương (sau đây gọi là cơ quan kiểm tra).

Bước 2: Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 2 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các nội dung còn thiếu, đồng thời xác nhận việc tổ chức, cá nhân nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký kiểm tra và yêu cầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Nếu quá thời hạn nêu trên mà hồ sơ vẫn chưa được bổ sung đầy đủ, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian dự kiến hoàn thành việc bổ sung hồ sơ.

Bước 3: Sau khi tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo Mẫu số 3 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, gửi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu để thực hiện thủ tục thông quan.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn: Cơ quan kiểm tra yêu cầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu khắc phục trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Cơ quan kiểm tra chỉ ra Thông báo lô hàng đáp ứng yêu cầu chất lượng khi có bằng chứng chứng minh việc khắc phục về nhãn theo quy định. Trường hợp không khắc phục được, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về nhãn theo Mẫu số 3 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng Giấy chứng nhận hợp quy không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu: Cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng, nêu rõ các nội dung không phù hợp và gửi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ quan hải quan để xử lý theo thẩm quyền.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 3 Phụ lục VII Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, trong đó ghi rõ: “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ”, gửi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ quan hải quan.

- Trường hợp phát hiện dấu hiệu rủi ro, gian lận hoặc thông tin không thống nhất giữa hồ sơ và dữ liệu quản lý, cơ quan kiểm tra ban hành Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu theo Mẫu số 3 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

1.2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa có Giấy chứng nhận hợp quy

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại cơ quan kiểm tra.

Trường hợp sử dụng nhãn điện tử, việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu.

Bước 2: Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 2 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các nội dung còn thiếu, đồng thời xác nhận việc tổ chức, cá nhân nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu và yêu cầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

Nếu quá thời hạn nêu trên mà hồ sơ vẫn chưa được bổ sung đầy đủ, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian dự kiến hoàn thành việc bổ sung hồ sơ.

Bước 4: Tổ chức, cá nhân làm thủ tục với cơ quan hải quan để đưa hàng hóa nhập khẩu về địa điểm bảo quản hàng hóa theo quy định của pháp luật hải quan.

Bước 5: Tổ chức, cá nhân liên hệ với tổ chức chứng nhận được chỉ định để thực hiện đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Bước 6: Sau khi tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, trình tự thực hiện theo quy định như bước 3 của trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã có Giấy chứng nhận hợp quy.

2. Cách thức thực hiện:

Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:

- Nộp trực tuyến thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Trường hợp các hệ thống này gặp sự cố hoặc trường hợp bất khả kháng khiến không thể trao đổi thông tin điện tử, việc xử lý được thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã có Giấy chứng nhận hợp quy

a) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

b) Giấy chứng nhận hợp quy do tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định cấp, trong đó có các thông tin liên quan đến hàng hóa nhập khẩu. Trường hợp Giấy chứng nhận hợp quy cấp cho lô hàng, phải có các thông tin liên quan đến lô hàng nhập khẩu (tên hàng hóa; nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; khối lượng/số lượng; tờ khai hàng hóa nhập khẩu; hóa đơn).

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu là thuộc xông hơi khử trùng thì Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất tương đương Giấy chứng nhận hợp quy.

c) Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn).

d) Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn.

e) Trường hợp sử dụng nhãn điện tử, việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa có Giấy chứng nhận hợp quy

a) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

b) Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn).

c) Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn.

d) Trường hợp sử dụng nhãn điện tử, việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn: 06 ngày làm việc (bao gồm 05 ngày khắc phục và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ).

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 08 ngày làm việc không tính thời gian xin gia hạn (gồm 07 ngày bổ sung hồ sơ từ ngày tiếp nhận và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).

- Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn

bổ sung hồ sơ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 03 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá nhập khẩu theo Mẫu số 1 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

- Phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 2 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường Luật số 146/2025/QH15;

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

- Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

PHỤ LỤC VII*(Kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***Mẫu số 1****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

Kính gửi:(tên cơ quan kiểm tra).....

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Nhà sản xuất	Khối lượng/số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu

Địa chỉ tập kết hàng hóa:

Hồ sơ nhập khẩu gồm:

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu: do Tổ chức cấp ngày: .././.....

- Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn).

- Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn.

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn công bố áp dụng

Ngày... tháng ... năm

TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

Vào sổ đăng ký số:

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

Số:/(CQKT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG
HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

STT	Hạng mục kiểm tra	Có/Không		Ghi chú
		Có	Không	
1	Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
2	Giấy chứng nhận hợp quy do tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định cấp/Chứng thư giám định chất lượng do tổ chức giám định được chỉ định cấp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
3	Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
4	Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

KẾT LUẬN

- Hồ sơ đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.
- Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục: trong thời gian 07 ngày làm việc. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu

STT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Nhà sản xuất	Khối lượng/ số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú ¹

- Cửa khẩu nhập:
- Thời gian nhập khẩu:
- Thuộc lô hàng có Giấy đăng ký kiểm tra số:..... ngày ... tháng ... năm 20....
- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu số do...(tên đơn vị cấp)...cấp ngày: .../.../....
- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:
- Căn cứ kiểm tra:
- + Tiêu chuẩn công bố áp dụng:
- + Quy chuẩn kỹ thuật:
- + Quy định khác:

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Ghi một trong các nội dung:

Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu

Hoặc Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu thì nêu lý do và các yêu cầu khác nếu có

Hoặc Lô hàng không đáp ứng yêu cầu về nhãn

Hoặc Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT, (Viết tắt tên CQKT).

CƠ QUAN KIỂM TRA

¹ Các nội dung nêu tại bảng này được ghi theo Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu